TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:102/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26 – 12 – 2023
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Mỹ Hạnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Lê Thị Thúy Kiều**

Ông **Võ Văn Thỏ**

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Thuận Phát – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm, Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2023/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc tranh chấp về ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 416/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/12/2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ông Huỳnh Công Đ, sinh năm 1965 (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: thường trú: ấp M, xã M, thị xã N, Sóc Trăng.

Địa chỉ liên lạc: số nhà A đường B, khóm E, phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn***: Luật sư **Biện Công N**, Văn phòng L, thuộc đoàn luật sư tỉnh S. (Có mặt)

- ***Bị đơn***: Bà Nguyễn Thị Kim B, sinh năm 1967 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Huỳnh Công Đ trình bày:

Vào năm 1983 ông và bà Nguyễn Thị Kim B có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu mới sống chung với nhau thì vợ chồng ông sống rất vui vẻ, hạnh phúc, thời gian về sau vợ chồng ông phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng ông đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không thay đổi, vợ chồng ông đã ly thân với nhau từ năm 2010 đến nay.

Giữa ông và bà Nguyễn Thị Kim B sống chung có có 03 con chung là cháu Huỳnh Thị Kiều D, sinh ngày 01/01/1985; cháu Huỳnh Thị Kiều D1, sinh ngày 05/4/1986 và cháu Huỳnh Nguyễn Diễm T, sinh ngày 07/4/1993, hiện nay các con của ông bà đã trưởng thành và đã có gia đình riêng.

Về tài sản chung: Ông và bà B tự thỏa thuận, ông không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau ly hôn thì ông không yêu cầu.

Tại phiên tòa hôm nay ông yêu cầu:

- Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim B.

- Về con chung: Là cháu Huỳnh Thị Kiều D, sinh ngày 01/01/1985; cháu Huỳnh Thị Kiều D1, sinh ngày 05/4/1986 và cháu Huỳnh Nguyễn Diễm T, sinh ngày 07/4/1993, hiện nay các con của ông bà đã trưởng thành và đã có gia đình riêng nên không yêu cầu xem xét về con chung

- Về tài sản chung: Ông và bà B tự thỏa thuận, ông không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

- Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau ly hôn thì ông không yêu cầu.

Theo đơn phản tố, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị Kim B trình bày:

Bà và ông Huỳnh Công Đ có đăng ký kết hôn năm 1984, bà có nộp kèm cho Tòa án bản chính giấy công nhận kết hôn giữa bà và ông Đ. Vợ chồng bà hiện nay đã ly thân với nhau từ năm 2010 cho đến nay. Trước đây bà có yêu cầu phản tố về phần tài sản chung do bà và ông Đ còn chưa thỏa thuận được với nhau về tài sản chung là đất vườn khoảng hai công tầm cấy nên bà không đồng ý ly hôn. Nay ông Đ và bà đã tự thỏa thuận về phần tài sản chung để lại cho con nên bà rút lại yêu cầu phản tố không yêu cầu về phần tài sản chung tự thỏa thuận với ông Đ. Theo yêu cầu ly hôn của ông Đ bà cũng đồng ý.

Về con chung: Đúng là vợ chồng bà có ba con chung như ông Đ trình bày, các con của bà hiện nay đã trưởng thành, đều có gia đình riêng, bà cũng không có yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung: Bà và ông Đăng tự thỏa thuận nên bà rút lại toàn bộ đơn yêu cầu phản tố.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau ly hôn thì bà không yêu cầu.

**** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm:***

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán, Thư ký, HĐXX đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn. Cho ông Huỳnh Công Đ ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim B

+ Về con chung: Là cháu Huỳnh Thị Kiều D, sinh ngày 01/01/1985; cháu Huỳnh Thị Kiều D1, sinh ngày 05/4/1986 và cháu Huỳnh Nguyễn Diễm T, sinh ngày 07/4/1993, hiện nay các con của ông bà đã trưởng thành và đã có gia đình riêng nên không yêu cầu xem xét về con chung nên đề nghị HĐXX không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Ông và bà B tự thỏa thuận, ông không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên đề nghị HĐXX không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không đặt ra xem xét.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau ly hôn thì ông không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không đặt ra xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn rút lại đơn yêu cầu phản tố nên đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Kim B có đơn yêu cầu phản tố về phần tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, tại biên bản lấy khai ngày 06/12/2013 và tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Kim B cho rằng bà và ông Đăng tự thỏa thuận về phần tài sản chung, nợ chung của vợ chồng nên bà tự nguyện rút lại yêu cầu phản tố đối với ông Huỳnh Công Đ. Xét việc rút đơn phản tố của bà B là tự nguyện nghĩ nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Kim B đối với ông Huỳnh Công Đ. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà B 7.776.000 đồng theo biên lai thu số 0009328 ngày 25/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn với bà B thì thấy rằng: ông Đ và bà B là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ông, bà tự nguyện sống chung, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân xã V, huyện T, tỉnh Hậu Giang (nay là khóm V, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng). Do vậy quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà B là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống chung giữa vợ chồng ông Đ, bà B cho rằng đã phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp nữa. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của ông Đ và bà B đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không còn hạnh phúc, không còn gắn bó yêu thương với nhau và đã không còn sống chung từ năm 2010 cho đến nay và tại phiên tòa hôm nay ông Đ kiên quyết xin ly hôn và bà B cũng đồng ý.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của ông Đ và bà B trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cho nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Công Đ về việc xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim B. Cho ông Huỳnh Công Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim B.

- Về con chung: Quá trình sống chung ông Đ và bà B có 03 người con chung: Cháu Huỳnh Thị Kiều D, sinh ngày 01/01/1985; cháu Huỳnh Thị Kiều D1, sinh ngày 05/4/1986 và cháu Huỳnh Nguyễn Diễm T, sinh ngày 07/4/1993, hiện nay các con của ông bà đã trưởng thành và đã có gia đình riêng, các đương sự cũng không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Xét ý kiến của đại viện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và có căn cứ nghĩ nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[4] Về án phí sơ thẩm: Ông Huỳnh Công Đ phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006587 ngày 18/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Như vậy, ông Đ đã nộp xong án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Công Đ. Ông Huỳnh Công Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim B.

2. Về con chung: Cháu Huỳnh Thị Kiều D, sinh ngày 01/01/1985; cháu Huỳnh Thị Kiều D1, sinh ngày 05/4/1986 và cháu Huỳnh Nguyễn Diễm T, sinh ngày 07/4/1993, hiện nay các con của ông bà đã trưởng thành và đã có gia đình riêng, các đương sự cũng không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Không yêu cầu nên không xem xét.

5. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Kim B đối với ông Huỳnh Công Đ. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà B 7.776.000 đồng theo biên lai thu số 0009328 ngày 25/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

6. Về án phí sơ thẩm: Ông Huỳnh Công Đ phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006587 ngày 18/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Như vậy, ông Đ đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 *(Được sửa đổi, bổ sung năm 2014),* thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dânThẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**** Nơi nhận:***
- *Phòng KTNV và THA TAND tỉnh;*
- *VKSND thị xã Ngã Năm;*
- *Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;*
- *Các đương sự;*
- *UBND phường 3;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Mỹ Hạnh